TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-02-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Xuân Hiếu

Bà Nguyễn Thị Phin

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông LBT; cư trú tại: Số nhà 10/12 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà TTD; ĐKNKTT và nơi cư trú cuối cùng: Số nhà 10/12 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông LBT trình bày:

Ông LBT và bà TTD kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng vào năm 1998. Quá trình chung sống vợ chồng giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm. Nguyên nhân là do

bất đồng về quan điểm, cách sống. Năm 2015, bà TTD bỏ nhà đi đâu không rõ; ông LBT và gia đình đã tổ chức tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về bà TTD, không biết bà TTD ở đâu, làm gì. Năm 2018, ông LBT yêu cầu Toà án nhân dân quận Hồng Bàng tuyên bố một người mất tích đối với bà TTD. Tại Quyết định số: 08/2018/QĐST-DS ngày 01/10/2018 về việc tuyên bố một người mất tích, Toà án đã tuyên bố bà TTD mất tích. Nay ông LBT yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với bà TTD theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 03 con là D, sinh năm 1998, E, sinh ngày 09/9/2005 và F, sinh ngày 01/6/2011. Từ khi bà TTD bỏ đi đến nay, các con đều chung sống cùng ông LBT. Ly hôn, ông LBT có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chưa thành niên là E và F cho đến khi các con thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con, ông LBT không yêu cầu Tòa án giải quyết; con D đã thành niên, có công ăn việc làm và cuộc sống riêng.

Về tài sản chung: Ông LBT không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn: Bà TTD mất tích, vắng mặt tại phiên toà. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho ông LBT ly hôn bà TTD. Về con chung: Giao các con E và F cho ông LBT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật; việc cấp dưỡng nuôi con, ông LBT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Ông LBT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Ông LBT phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông LBT kết hôn với bà TTD vào năm 1998, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên quan hệ hôn nhân giữa ông LBT và bà TTD là hợp pháp.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Quá trình chung sống vợ chồng giữa các bên tuy không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, nhưng vào năm 2015 bà TTD đã bỏ nhà đi không về; ông LBT và gia đình đã tổ chức tìm kiếm nhưng không có tin tức gì về bà TTD. Năm 2018 ông LBT yêu cầu Tòa án tuyên bố bà TTD mất tích. Tại Quyết định số: 08/2018/QĐST-DS ngày 01/10/2018 về việc tuyên bố một người mất tích, Tòa án tuyên bố bà TTD mất tích. Như vậy, giữa ông LBT và bà TTD đã không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là thương yêu, chung thủy, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ và cùng nhau thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau. Việc ông LBT yêu cầu ly hôn với bà TTD là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Cho ông LBT ly hôn bà TTD.

[3] Về con chung: Ông LBT và bà TTD có 03 con là D, sinh năm 1998; E, sinh ngày 09/9/2005 và F, sinh ngày 01/6/2011. Hiện nay các con đang sống cùng với ông LBT kể từ khi bà TTD bỏ nhà đi. Ly hôn, ông LBT có nguyện vọng được nuôi dưỡng con E và F cho đến khi các con thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con chưa thành niên cho bố hoặc mẹ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn phải bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 02 con là E và F cho ông LBT nuôi dưỡng, cho đến khi các con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp điều kiện thực tế, phù hợp nguyện vọng của các con và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; về việc cấp dưỡng nuôi con, ông LBT không yêu cầu Tòa án giải quyết, trong khi đó bà TTD mất tích và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con giữa các bên. Con D đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung: Ông LBT không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông LBT phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông LBT ly hôn bà TTD.

2. Về con chung: Giao con E sinh, ngày 09/9/2005 và F, sinh ngày 01/6/2011 cho ông LBT trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Ông LBT phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008021, ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Ông LBT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường B, quận C
(GCN kết hôn số 01, quyển số 01, ngày 08/01/1998);
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đinh Hữu Hường